

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/HSST

Ngày: 17/5/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Định**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Hoàng Thị Thái**

2. Bà **Hoàng Cúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Minh Thắng** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc T** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 93/2023/TLST - HS, ngày 14 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2023/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Quàng Văn N**; (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam, sinh ngày 02/9/1984 tại tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: bản C, xã P, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khơ Mú; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 0/12 phổ thông; con ông Quàng Văn N1 và bà Quàng Thị L; vợ: Lương Thị K và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xử phạt 02 năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Ngày 16/11/2018 chấp hành xong toàn bộ bản án, đã được xóa án tích.

Bị cáo N bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, sau đó tạm giam từ ngày 16/12/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Cà Văn N2**, sinh năm 1993 và **Cà Văn D**, sinh năm 1998; cùng trú tại: Bản X, xã P, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Nguyên và D vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Quảng Văn N là người thiếu ý thức chấp hành pháp luật, thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy và hăm lờn từ việc mua bán các chất ma túy. Để có ma túy sử dụng và bán kiếm lời nên ngày 14/12/2022, N đến bản H, xã P, huyện Đ mua 01 gói Heroine của một người đàn ông không quen biết trên đường với giá 250.000 đồng. Sau khi mua được H, N mang về nhà và đã sử dụng một ít, số còn lại N cất vào túi áo khoác bên trái đang mặc trên người. Khoảng hơn 12 giờ ngày 16/12/2022, khi N đang ở nhà thì có Cà Văn N2, sinh năm 1993 và Cà Văn D, sinh năm 1998, đều trú tại bản X, xã P, thành phố Đ đến hỏi mua Heroine. N nhận số tiền 100.000 đồng từ Nguyên và lấy gói Heroine cất trong túi áo khoác bên trái ra đưa cho N2. Nguyên hỏi ngaoan xin cho N2 và D được sử dụng ma túy tại nhà N thì được N đồng ý. Nguyên lấy bật lửa ga gần đó, nhặt 01 mảnh giấy bạc ở bếp nhà ngaoan rồi cùng D ngồi sử dụng Heroine bằng hình thức đốt, hít ở cạnh giường của N. Hồi 14 giờ cùng ngày, khi N2 và D vừa sử dụng xong Heroine thì bị tổ công tác Công an xã P phối hợp với Công an thành phố Đ kiểm tra phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Vật chứng, vật tạm thu, tạm giữ: 01 bật lửa ga, 01 mảnh giấy bạc cháy dở và 100.000 đồng, tiền ngân hàng N3.

Cáo trạng số 47/CT-VKSTPĐBP ngày 13/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ để xét xử bị cáo Quảng Văn N về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy", theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự và tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu: Với các hành vi bị cáo N đã thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*", quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự và tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", quy định tại Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự nên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 256; Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo N từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*".

Căn cứ Khoản 1 Điều 251; Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội từ 09 năm đến 10 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với cả hai tội đối với Quàng Văn N.

Về vật chứng vụ án, vật tạm thu, tạm giữ: Căn cứ điểm a, b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 bột lửa ga, 01 mảnh giấy bạc cháy dở; tịch thu sung ngân sách Nhà Nước 100.000 đồng, tiền ngân hàng N3.

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo, do bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Tại phiên tòa, bị cáo N nhất trí với quyết định truy tố và lời luận tội của đại diện viện Kiểm sát đối với tội danh và hình phạt của mình, không có lời bào chữa, không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bản thân mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo N: Lời khai của bị cáo Quàng Văn N, người liên quan Cà Văn N2 và Cà Văn D trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; biên bản khám xét người và nơi ở của N; biên bản niêm phong, mở niêm phong tài liệu, đồ vật tạm giữ, giao nhận đối tượng giám định; kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Hồi 14 giờ ngày 16/12/2022, tại nơi ở của mình thuộc bản C, xã P, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Quàng Văn N đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Cà Văn N2, thu được 100.000 đồng và đồng ý cho Cà Văn N2 và Cà Văn D sử dụng trái phép chất ma

túy tại chỗ ở của mình. Hành vi bán trái phép chất ma túy của N đủ các yếu tố cấu thành tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; hành vi đồng ý để cho N2 và D sử dụng trái phép chất ma túy tại chỗ ở của N đủ yếu tố cấu thành tội "*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*", tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự.

[2]. Về tính chất, mức độ, động cơ phạm tội của bị cáo trong vụ án thấy rằng: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng và rất nghiêm trọng. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân và cộng đồng cũng như chính sách pháp luật hình sự của nhà nước đối với các loại tội phạm này. Bị cáo thực hiện tội phạm do lỗi cố ý trực tiếp, do bản thân nghiện, sử dụng trái phép chất ma túy; do hám lời, muốn có tiền và ma túy sử dụng nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm các quy định của nhà nước về chế độ quản lý, sử dụng các chất ma túy mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn; làm gia tăng người nghiện ma túy trong xã hội, cần phải xử lý nghiêm đối với từng loại tội phạm này.

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng, bị cáo có nhân thân xấu, cụ thể: Bản thân là người nghiện, sử dụng ma túy; ngày 11/5/2017, bị Toà án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xử phạt 02 năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", tại bản án số 113/2017/HSST. Ngày 16/11/2018, chấp hành xong toàn bộ bản án, đã được xoá án tích. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo nhận thức được về hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo về cả hai tội danh là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra với từng tội danh. Tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 256 và Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với loại tội phạm này thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng; tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản...*". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo là người làm ruộng, thu nhập chỉ đủ chi tiêu trong gia đình, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với cả hai tội danh.

[5]. Về vật chứng vụ án, vật tạm thu, tạm giữ: Căn cứ điểm a, b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bật lửa ga, 01 mảnh giấy bạc cháy dở.
- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 100.000 đồng, tiền ngân hàng N3, do mua bán ma túy mà có.

[6]. Án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác:

- Án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của xã P, thành phố Đ; tại phiên tòa, bị cáo xin miễn án phí. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ tiền án phí Hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

- Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Cà Văn N2 và Cà Văn D, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính với hình thức phạt cảnh cáo, đúng quy định của pháp luật.

- Bị cáo khai mua ma túy của người không biết tên, địa chỉ nên không có cơ sở điều tra làm rõ, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Quàng Văn N phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" và tội "*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*".

2. Điều luật áp dụng, hình phạt:

Căn cứ Điều 38, Khoản 1 Điều 251, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Quàng Văn N 02 (H1) năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Căn cứ Điều 38, Điểm d Khoản 2 Điều 256, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Quàng Văn N 07 (B) năm tù về tội "*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*".

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Quàng Văn n phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội là 09 (C) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2022.

3. Vật chứng, vật tạm thu, tạm giữ:

Căn cứ điểm a, b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bật lửa ga, 01 mảnh giấy bạc cháy dở; tịch thu sung ngân sách nhà nước 100.000 đồng, tiền ngân hàng N3. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ.

4. Án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn toàn bộ tiền án phí Hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 17/5/2023).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố ĐBP;
- CA thành phố ĐBP;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Bị cáo, người có QLNVLQ;
- Lư-u: VP, hồ sơ vụ án;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Định